TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH C À MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-12-2022
"*V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bé
Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mãy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/11 và 01 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm: 1960 (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm x, thị trấn y, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1975 (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm x, thị trấn y, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Lê Thị T, sinh năm 1972 (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm x, thị trấn y, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- Ông Lê Văn V, sinh năm 1941 (Chết).
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vân:
1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942 (Chết).
2/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1972 (Có mặt).
3/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1975 (Có mặt).
4/ Ông Lê Minh H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
5/ Ông Lê Hồng V, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khóm x, thị trấn y, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- Bà Lê Thị N, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Ấp A, xã ĐH, huyện cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Huyền T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm x, thị trấn y, huyện cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- Ông Nguyễn Hiệp H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BT, xã ĐT, huyện cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1971 (Không triệu tập).

- Bà Võ Hồng Ch, sinh năm 1976 (Không triệu tập).

Cùng địa chỉ: Thôn x, xã y, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc Thống, chức vụ: Phó giám đốc.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Phi L trình bày:

Tại Quyết định số 141/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà Lê Thị M, về con chung giao bà M nuôi dưỡng ông không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung ông và bà M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 05/6/2020 ông có gửi đơn yêu cầu đến Tổ hòa giải khóm 1, thị trấn Cái Nước yêu cầu giải quyết phân chia tải sản chung và nợ chung giữa ông với bà Lê Thị M, đến ngày 18/6/2020 Tổ hòa giải khóm 1 tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung và chia đôi nợ chung giữa ông với bà Lê Thị M, gồm:

- Về tài sản chung:

+ Quyền sử dụng đất số AĐ 278682, diện tích 65,6m^2, tờ bản đồ số 17, thửa số 175, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H 01372, địa chỉ: Đường 2/9, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do ông và bà Lê Thị M đứng tên, hiện tại ông và bà Mai đã xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất này. Trị giá nhà và đất là 4.000.000.000 đồng.

+ Quầy Ki ốt số 08, tọa lạc tại chợ giai đoạn 3 Cái Nước, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do bà Lê Thị M đứng tên. Trị giá là 1.700.000.000 đồng.

+ Quầy Ki ốt số 09, tọa lạc tại chợ giai đoạn 3 Cái Nước, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do ông đứng tên. Trị giá là 1.700.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 7.400.000.000 đồng.

Đối với tài sản chung ông yêu cầu chia nếu bà Mai nhận nhà và đất thì ông nhận 02 quầy ki ốt, nếu bà Mai nhận 02 quầy ki ốt thì ông nhận nhà và đất.

- Về nợ chung: Nợ nào ông có ký nhận nợ thì ông thừa nhận, còn không có ký nhận nợ thì ông không thừa nhận đó là nợ chung, ông chỉ thừa nhận hai khoản nợ chung sau đây:

+ Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 12.000.000 đồng.

+ Nợ bà Lê Thị T, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng lãi suất ngân hàng. Ông đã đóng lãi đầy đủ cho bà T từ ngày 12/11/2018 đến ngày 12/8/2020, khi đóng lãi không có làm biên nhận.

Tổng nợ chung là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi, ông yêu cầu chia đôi nợ gốc và nợ lãi nêu trên với bà Mai.

Tại phiên tòa, ông L rút lại yêu cầu đối với 02 kiốt, ông chỉ đồng ý trả ½ số tiền vốn vay của Ngân hàng và tiền vay của bà Tuyết, không đồng ý trả tiền lãi. Ông tự nguyện chịu tất cả chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản.

Tại các biên bản hòa giải bà Lê Thị M trình bày:

- Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia tài sản chung giữa bà với ông Nguyễn Phi L theo tỷ lệ 6/4, bà nhận 06 phần, ông Long nhận 04 phần, gồm:

+ 01 nhà cấp 4 trên quyền sử dụng đất số AĐ 278682, diện tích 65,6m^2, tờ bản đồ số 17, thửa số 175, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H 01372, địa chỉ: Đường 2/9, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do bà và ông Nguyễn Phi L đứng tên, trị giá 1.600.000.000 đồng. Bà yêu cầu được nhận nhà và đất, bà sẽ trả lại cho ông L giá trị theo tỷ lệ 6/4.

+ 01 quầy Ki ốt số 08, tọa lạc tại chợ giai đoạn 3 Cái Nước, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do bà đứng tên, trị giá 1.000.000.000 đồng, bà yêu cầu được nhận kiốt và sẽ trả lại giá trị cho ông Long theo tỷ lệ 6/4 (bà nhận 06 phần, ông Long nhận 04 phần).

+ 01 quầy Ki ốt số 09, tọa lạc tại chợ giai đoạn 3 Cái Nước, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do ông Nguyễn Phi L đứng tên, trị giá 1.000.000.000 đồng, bà yêu cầu được nhận kiốt và sẽ trả lại giá trị cho ông L theo tỷ lệ 6/4 (bà nhận 06 phần, ông L nhận 04 phần).

- Về nợ chung: Bà yêu cầu chia đôi tất cả các khoản nợ gốc và nợ lãi giữa bà với ông Nguyễn Phi L gồm: Khoản nợ ông Long xác định là 1.700.000.000 đồng và khoản nợ bà xác định là 1.590.510.000 đồng, cụ thể:

+ Vào ngày 24/9/2019 bà và ông L vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước số tiền là 1.200.000.000 đồng, từ khi vay đến nay ông L không đóng lãi cho Ngân hàng, bà đã đóng lãi cho Ngân hàng tạm tính đến tháng 5/2020 là 61.116.000 đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi Ngân hàng tính đến tháng 5/2020 là 1.261.116.000 đồng.

+ Vào ngày 12/11/2018 bà và ông L có thế chấp hợp đồng Kiốt số 09 cho bà Lê Thị Tuyết để vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 20%/năm, từ ngày thế chấp đến nay bà và ông L không đóng lãi cho bà Tuyết. Tổng tiền nợ gốc và nợ lãi bà và ông L nợ bà T tính đến ngày 14/8/2020 là 677.364.000 đồng.

+ Nợ toa:

Ngày 25/6/2019 nợ Công ty TNHH sản xuất giày dép Đăng Tín số tiền 165.385.000 đồng, bà đã trả cho Công ty số tiền này vào ngày 25/11/2019.

Ngày 03/4/2019 nợ cơ sở sản xuất giày Thanh Ngân số tiền 130.445.000 đồng, bà đã trả số tiền này cho Thanh Ngân vào ngày 12/12/2019.

Ngày 08/4/2019 nợ xưởng sản xuất giày dép Huỳnh Trung số tiền là 141.196.000 đồng, bà đã trả cho Huỳnh Trung số tiền này vào ngày 26/5/2020.

Ngày 08/3/2019 nợ đại lý giày Hồi Thị Trinh số tiền là 102.885.000 đồng, bà đã trả cho Hồi Thị Trinh số tiền này vào ngày 15/4/2020.

Năm 2018 nợ cửa hàng Tiến Tài số tiền 78.000.000 đồng, đến ngày 22/5/2019 nợ tiếp 20.000.000 đồng, tổng cộng nợ 98.000.000 đồng, bà đã trả số tiền này cho Tiến Tài vào ngày 20/3/2020.

Ngày 10/02/2019 nợ anh Toàn ở Cà Mau (không nhớ rõ họ tên) số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 06/5/2019 nợ tiếp 15.000.000 đồng, tổng cộng nợ 45.000.000 đồng, bà đã trả cho anh Toàn số tiền này vào ngày 28/5/2020.

Ngày 23/5/2019 nợ cửa hàng Thu Hiền Bình Tây số tiền 170.090.000 đồng, bà đã trả cho Thu Hiền Bình Tây số tiền này vào ngày 25/12/2019.

Năm 2018 nợ cửa hàng giày dép Minh Đăng số tiền 125.210.000 đồng, bà đã trả xong cho Minh Đăng số tiền này vào ngày 20/3/2020.

Ngày 15/12/2018 nợ cửa hàng Tỷ Húng số tiền 58.000.000 đồng, đến ngày 15/01/2019 nợ tiếp 32.000.000 đồng và đến ngày 09/4/2019 nợ tiếp 63.000.000 đồng, tổng tiền nợ là 153.000.000 đồng, bà trả xong cho Tỷ Húng số tiền này.

Ngày 16/02/2019 nợ cửa hàng Hải Dung số tiền 116.044.000 đồng, ngày 23/4/2019 nợ tiếp số tiền 15.597.000 đồng, ngày 01/5/2019 nợ tiếp số tiền là 48.075.000 đồng, tổng số tiền nợ là 179.716.000 đồng, bà đã trả xong số tiền nợ này cho Hải Dung vào ngày 10/02/2020.

Ngày 19/5/2019 nợ ông Xía ở Cà Mau số tiền 81.220.000 đồng, ngày 30/5/2019 nợ tiếp số tiền 55.950.000 đồng, tổng số tiền nợ là 137.170.000 đồng, bà đã trả xong số tiền này cho Xía vào ngày 01/6/2020.

Ngày 23/5/2019 nợ cửa hàng Lê Trung số tiền 71.718.000 đồng, bà đã trả xong số tiền này cho Lê Trung vào ngày 10/3/2020.

Như vậy, tổng số tiền nợ toa và đóng lãi Ngân hàng để trả nợ toa này tính đến tháng 5/2020 là 1.590.510.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu chín mươi triệu năm trăm mười nghìn đồng), số nợ toa và lãi Ngân hàng này bà đã mượn của chị Võ Hồng Chuyên, anh Lê Văn Hải, anh Nguyễn Hiệp Hùng, ông Lê Văn Vân, bà Lê Thị Nhàn.

Tại phiên tòa, bà Mai đồng ý chia đôi tài sản và nợ vay của Ngân hàng và vay của bà Tuyết, yêu cầu được nhận quầy kiốt số 9 giao cho ông Long quầy kiốt số 8, không yêu cầu xem xét các khoản nợ còn lại.

Bà Lê Thị T trình bày:

Vào ngày 12/11/2018 dương lịch ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M có lập hợp đồng thế chấp hợp đồng Ki ốt số 09 cho bà để vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn thế chấp là 03 năm (36 tháng), tính từ ngày 12/11/2018 đến 12/11/2021, hình thức thanh toán tiền lãi là mỗi tháng đóng 8.333.000 đồng (278.000 đồng/ngày). Từ khi vay đến nay thì ông L, bà M không đóng tiền lãi cho bà, tính đến nay ông L và bà M nợ bà số tiền vốn và lãi là 905.040.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M trả cho bà số tiền này.

Ông Lê Quốc Thống trình bày:

Vào ngày 24/9/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng cho bà M và

ông L vay số tiền 1.200.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản tiền vay thì ông Long bà Mai có thế chấp quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 65,6m^2 thuộc thửa số 175 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (giao dịch đảm bảo). Tính đến nay số tiền lãi là 243.000.000 đồng, từ khi vay đến nay bên vay đã đóng lãi cho Ngân hàng số tiền 158.700.000 đồng còn thiếu lại tiền lãi 84.300.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu buộc ông L và bà M trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến nay là 1.284.300.000 đồng.

Tại Công văn số 511/CCTHADS ngày 05/10/2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước có ý kiến:

Vào ngày 04/8/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước ban hành quyết định cưỡng chế số 44/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại thửa số 175 tờ bản đồ số 17 – Bản đồ địa chính năm 2021 và thửa số 23, thửa số 155 – Bản đồ địa chính năm 2012 của bà Lê Thị M và ông Nguyễn Phi L để thi hành bản án số 112/2022/DSPT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước và khi giải quyết cần xem xét nghĩa vụ thi hành án của bà Lê Thị M phải thực hiện đối với bản án số 112/2022/DSPT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản chung, buộc ông L và bà M cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi còn thiếu là 1.284.300.000 đồng, buộc ông L và bà M cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và lãi suất 10%/ năm từ khi vay đến nay; đình chỉ yêu cầu chia 02 kiốt của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M là tranh chấp về việc chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có địa chỉ cư trú và tài sản tranh chấp tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Lê Minh H, ông Lê Hồng V, chị Dương Huyền T, ông Nguyễn Hiệp H, Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do; Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước có đơn xin vắng mặt; đối với ông Lê Văn H và bà Võ Hồng C do không còn liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án không triệu tập. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung của vụ án:

[3.1] *Về chia tài sản chung*: Ông L và bà M thống nhất có tài sản chung là Quyền sử dụng đất số AĐ 278682, diện tích 65,6m^2, tờ bản đồ số 17, thửa số 175 tọa lạc tại đường 2/9, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, do ông L và bà Lê Thị M đứng tên, hiện tại ông và bà M đã xây dựng nhà cấp 4 trên phần diện tích đất này. Tại phiên tòa ông L và bà Mai thống nhất giao nhà đất cho bà M quản lý sử dụng, bà M trả cho ông L ½ giá trị theo kết quả thẩm định giá. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thì nhà đất nêu trên có giá trị 1.883.336.000 đồng nên công nhận sự thỏa thuận giữa ông L và bà M, giao nhà và đất cho bà M quản lý sử dụng, bà M có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 941.668.000 đồng.

[3.2] *Về nợ vay của Ngân hàng*:

Xét thấy việc ông L, bà M và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày thống nhất là vào ngày 24/9/2019 Ngân hàng có ký hợp đồng cho ông L bà M vay số tiền 1.200.000.000 đồng, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L bà M đứng tên là phù hợp với Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có trong hồ sơ vụ án, nên xác định giao dịch này là thực tế có xảy ra. Nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông L bà M trả số tiền vốn 1.200.000.000 đồng, tại phiên tòa ông L bà M đồng ý trả số tiền này.

[3.2.1] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu trả tiền lãi:

Phía Ngân hàng xác định số tiền lãi từ khi vay đến nay là 243.000.000 đồng, bên vay đã trả 158.700.000 đồng, còn thiếu 84.300.000 đồng và yêu cầu ông L bà M cùng có trách nhiệm trả tiền. Ông L bà M xác định số tiền lãi trên là đúng, bà M đồng ý ½ số trả tiền lãi còn lại và yêu cầu ông L phải chịu ½ số tiền lãi từ khi vay đến nay vì bà là người trả tiền lãi cho Ngân hàng chứ ông L không có đóng, ông L không đồng ý vì cho rằng vay tiền nhằm mục đích kinh doanh khi ông đi ra khỏi nhà đã để lại cơ sở kinh doanh và tài sản cho bà M quản lý nên bà M phải có trách nhiệm trả tiền lãi. Xét thấy, tại phiên tòa bà M cũng thừa nhận khi ông L ra đi khỏi nhà đã để lại toàn bộ tài sản và cơ sở kinh doanh cho bà M, nên việc ông L cho rằng bà M phải có trách nhiệm trả tiền lãi là có cơ sở nên chỉ buộc ông L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi còn thiếu là 84.300.000 đồng.

[3.2.2] Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông L bà M liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 1.284.300.000 đồng, trong đó ông L và bà M mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 642.150.000 đồng.

[3.3] Đối với số tiền vay của bà Lê Thị T:

Ông L và bà M thừa nhận vào ngày 12/11/2018 dương lịch có lập hợp đồng thế chấp kiốt số 09 tại chợ giai đoạn 3 Cái Nước để vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp với "Hợp đồng thế chấp hợp đồng quầy ki ốt số 09" có trong hồ sơ vụ án, nên xác định giao dịch là thực tế có xảy ra. Bà Tuyết yêu cầu trả số tiền vốn 500.000.000 đồng ông L và bà M đồng ý trả nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3.1] Đối với việc bà T yêu cầu tính lãi số tiền vay:

Ông L, bà T và bà M xác định khi lập hợp đồng có ghi "lãi suất: do hai bên tự thỏa thuận", theo bà T và bà M xác định lãi suất là 20%/ năm, còn ông L xác định là 8%/ năm, như vậy các bên xác định mức lãi suất vay không thống nhất với

nhau và có tranh chấp. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định "Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ", tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20/%/ năm của khoản tiền vay...". Như vậy, trong trường hợp này áp dụng mức lãi suất của số tiền vay là 10%/ năm tương ứng với số tiền 202.520.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết số tiền 202.520.000 đồng.

[3.3.2] Về nghĩa vụ trả tiền:

Bà M đồng ý cùng có trách nhiệm trả tiền lãi theo yêu cầu của bà T, ông L không đồng ý vì ông cho rằng ông và bà M đã đóng tiền lãi hàng tháng cho bà T, tính đến ngày ông nộp đơn khởi kiện vụ án này thì đã đóng lãi được khoảng 23 đến 24 tháng, bà M và bà T xác định không có đóng lãi nhưng ông L không có chứng cứ chứng minh đã đóng tiền lãi nên xác định từ khi vay đến nay ông L bà M không đóng tiền lãi cho bà T.

Việc ông L cho rằng từ khi ông đi ra khỏi nhà đến nay thì toàn bộ tài sản và cơ sở kinh doanh để lại cho bà M nên bà M phải có trách nhiệm trả lãi cho bà T. Xét thấy mặc dù các đương sự trình bày thống nhất ông L đã để lại tài sản và cơ sở kinh doanh cho bà M, nhưng đây là khoản vay chung của ông bà và không thể hiện vay tiền để nhằm mục đích kinh doanh, mặt khác bà M còn phải trả tiền lãi vay của Ngân hàng và nuôi hai người con. Do đó buộc ông L và bà M có trách nhiệm trả số tiền lãi cho bà T.

Như vậy, buộc ông L và bà M phải trả cho bà T tổng số tiền vốn và lãi là 702.520.000 đồng, trong đó ông L và bà M mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 351.260.000 đồng.

[3.3] Do tại phiên tòa ông Long rút lại yêu cầu đối với kiốt số 08 và kiốt số 09 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3.4] Đối với quyết định số 44/QĐ-CCTHADS ngày 04/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại thửa số 175 tờ bản đồ số 17 – Bản đồ địa chính năm 2021 và thửa số 23, thửa số 155 – Bản đồ địa chính năm 2012 của bà Lê Thị M và ông Nguyễn Phi L để thi hành bản án số 112/2022/DSPT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Cần tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành các khoản nợ của ông L bà M.

[3.5] Về thứ tự ưu tiên trong trường hợp bán tài sản để thanh toán nợ:

Do giao dịch vay tiền của ông L bà M với Ngân hàng là giao dịch đảm bảo nên được ưu tiên thanh toán trước, nếu số tiền bán tài sản còn dư thì ưu tiên để thi hành bản án số 112/2022/DSPT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, nếu số tiền còn dư thì trả cho bà Tuyết.

[4] Do ông L đã nộp xong và tự chịu toàn bộ chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Buộc đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 33, 59, 60, 64 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về Tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M về việc ông giao Quyền sử dụng đất số AĐ 278682, diện tích 65,6m^2 thuộc thửa số 175, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại đường 2/9, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do ông L và bà Lê Thị M đứng tên, hiện tại ông và bà M đã xây dựng nhà cấp 4 trên phần diện tích đất cho bà M quản lý sử dụng (Kèm theo bản vẽ trách đo hiện trạng). Bà M phải trả cho ông L số tiền 941.668.000 đồng (Chín trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Phi L đối với 02 kiốt số 08 và 09.

Về nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước số tiền 1.284.300.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó ông L và bà M mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 642.150.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm chục nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị T buộc ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 702.520.000 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu năm trăm hai chục nghìn đồng), trong đó ông L và bà M mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 351.260.000 đồng (Ba trăm năm mươi mốt triệu hai trăm sáu chục nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền 202.520.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm hai chục nghìn đồng).

Đối với số tiền trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì quyết định cưỡng chế số 44/QĐ-CCTHADS ngày 04/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại thửa số 175 tờ bản đồ số 17 – Bản đồ địa chính năm 2021 và thửa số 23, thửa số 155 – Bản đồ địa chính năm 2012 của bà Lê Thị M và ông Nguyễn Phi L để đảm bảo thi hành án.

Trong trường hợp ông Lg bà M không tự nguyện thi hành án mà phải bán tài sản để thi hành án thì ưu tiên thanh toán khoản nợ của Ngân hàng trước, nếu số tiền bán tài sản còn dư thì ưu tiên để thi hành bản án số 112/2022/DSPT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, nếu số tiền còn dư thì thanh toán cho bà T.

Án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị M mỗi người phải chịu 52.927.000 đồng (Năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng); Do ông L có đơn giảm tiền án phí và đơn của ông L là đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho ông L 50% tiền án phí tương ứng với số tiền 26.463.500 đồng, ngày 13/7/2020 ông L có nộp tạm ứng án phí số tiền 28.850.000 đồng tại biên lai số 005551 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được đối trừ, ông L được nhận lại số tiền 2.386.500 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Bà Lê Thị T phải chịu số tiền 10.125.000 đồng (mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ngày 27/7/2020 bà T có nộp tạm ứng án phí số tiền 15.419.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) tại biên lai số 005593 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, bà T được nhận lại 5.294.000 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước không phải chịu án phí, số tiền đã dự nộp tạm wasn án phí được nhận lại. Ngày 24/3/20222 có nộp tạm ứng án phí số tiền 24.359.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) tại biên lai số 007951 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ